

DANH MỤC PHỤ TÙNG MÁY NÉN KHÍ PHỤC VỤ CHỐNG ẪN MÒN NĂM 2026

Quy định chung:

Quy định chung (Đối với hàng hóa được nhập khẩu từ nước ngoài):

- Các mục hàng hóa gồm mục: 2, 12-16, 18-19, 21-32, 37-41, 43, 45-48, 50 yêu cầu cung cấp **CO, CQ**: bản sao y có chứng thực của nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp.
- Các mục hàng hóa còn lại: 1, 3-7, 8-11, 17, 20, 33-36, 42, 44, 49 cung cấp **CO, CQ** như yêu cầu dưới đây:
 - Chứng chỉ về nguồn gốc xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước/vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu cấp: Bản chính hoặc bản điện tử gốc có địa chỉ để kiểm tra hoặc bản sao y có chứng thực (của cơ quan có thẩm quyền) hoặc bản sao y (có kèm theo bản gốc để đối chứng).
 - Chứng chỉ chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp: Bản chính (gốc) hoặc eCQ gốc có đường dẫn xác thực hoặc bản sao y (có chứng thực của nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam).

STT/ П/п No.	Tên VTTB/ Наименование МТП/ Description	Ký mã hiệu Тип, марка	Đặc tính kỹ thuật/ Технические характеристики/ Long description	DVT/ Ед.изм/ Unit	S.Lượng/ Кол-во/ Q.ty	Tham khảo nhà sản xuất/ См. рекомендации производителя / Manufacturer	Ghi chú/ Note
1	Bơm nước - Water Pump	4259548	Part Number: 4259548 Or Equivalent CompAir C115-12 For DLT 1302, Order No:10430 Engine Deutz BF 4M 1013 Part Name: Engine Coolant Water Pump Function Circulates coolant throughout the engine cooling system. Application Deutz 1013 Series engines. Drive Type Engine-driven (Mechanical Drive). Housing Material Cast Iron or Aluminum Alloy (manufacturer dependent). Impeller Material Metal Seal Mechanical Seal Bearing Double-row Ball Bearing	PCE	2	Comp Air/ Atlas Copco/ ELGI/ Cummins/ Deutz/ CAT/ FleetGuard	
2	Lõi lọc thô nhiên liệu - Fuel filter element	2914 8307 00	Part Number: 2914 8307 00 Or Equivalent. Height 117mm OD/Width Max 112mm OD/Width Min 112mm ID/Depth Max 49mm ID/Depth Min 16mm (For AtlasCopco XAHS 237)	PCE	8	Comp Air/ Deutz/ Atlas Copco/ Cummins/CAT	
3	Kết làm mát nước - Radiator	1604 9339 02	Part Number: 1604 9339 02 Or Equivalent. For AtlasCopco XAHS 237CD, Draw 1611 7813 41/03.Caterpillar C6.6, Engine 274-1168 (Ref 50; page 69)	PCE	1	Atlas Copco	
4	Kết làm mát nhớt nén khí - Cooler oil	1604 9340 02	Part Number: 1604 9340 02 Or Equivalent. For AtlasCopco XAHS 237CD, Draw 1611 7813 41/03.Caterpillar C6.6, Engine 274-1168 (Ref 60; page 68)	PCE	1	Atlas Copco	
5	Kết làm mát nước - Water cooler	100002143	Part Number: 100002143 Or Equivalent. For CompAir C160TS-12, Engine Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8107, Type: 6 Cylinder (Pos 14, Page 24)	PCE	2	Comp Air	
6	Kết làm mát nhớt nén khí - Oil Cooler	100002144	Part Number: 100002144 Or Equivalent. For CompAir C160TS-12, Engine Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8107, Type: 6 Cylinder (Pos 52, Page 22)	PCE	2	Comp Air	
7	Bộ tăng áp - Turbocharger	04259311	Part Number: 04259311 Or Equivalent. For CompAir C115-12 For DLT 1302, Order No:10430.Comp C115-12, Engine Deutz BF 4M 1013	PCE	1	Comp Air	
8	Bộ đại tu động cơ Cummins kèm full gioăng đệm - Overhaul Rebuild Kit for Cummins Engine With Full Gasket	-	For CompAir C160TS-12, Engine Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8107, Type: 6 Cylinder. Or Equivalent. Including: 1 set Full gasket kit 6pcs Liner Cylinder 6pcs Piston,STD size 6pcs Piston Pin 12pcs Pin Clips 6 Intake Valves 6 Exhaust Valves 12 Valve Guides 6 Intake Valves Seats 6 Exhaust Valves Seats 6 set Ring set for 6 pistons.STD size 1set Crankshaft bearing 1set Connect Rod Bearing 1Set Thrust washer	SET	3	Comp Air/ Atlas Copco/ ELGI/ Cummins/ Deutz/ CAT/ FleetGuard	
9	Bộ đại tu động cơ Deutz kèm full gioăng đệm - Overhaul Rebuild Kit for Deutz Engine With Full Gasket	-	Fit for Deutz Engine: BF4M1013 (CompAir C115-12) Or Equivalent. Content: 1 Set of Overhaul Gasket Kit 1 Set Cylinder Liners (Semi-finished product) 1 Set Pistons STD 1 Set Piston Pins 1 Set Snap Rings 1 Set Rod Bushings 1 Set Rings Pistons STD 1 Set of Main Bearings 1 Set of Rod Bearings 1 Set of Thrust Washer 1 Set Intake/Exhaust Valves 1 Set Valve Guides 1 Set Intake/Exhaust Valves Seats	set	2	Comp Air/ Atlas Copco/ ELGI/ Cummins/ Deutz/ CAT/ FleetGuard	

STT/ P/n No.	Tên VTTB/ Наименование МТП/ Description	Ký mã hiệu Тип, марка	Đặc tính kỹ thuật/ Технические характеристики/ Long description	DVT/ Ед.изм/ Unit	S.lượng/ Кол-во/ Q.ty	Tham khảo nhà sản xuất/ См. рекомендации производителя / Manufacturer	Ghi chú/ Note
10	Bộ đại tu động cơ CAT kèm full giaoăng đệm - Overhaul Rebuild Kit for CAT Engine With Full Gasket	-	Models with Caterpillar C6.6 Engine (AtlasCopco XAHS 237) Or Equivalent. Note: The Cylinder Liner is Semi-finished type. Content: 1 Set of Overhaul Gasket Kit 6 Cylinder Liners,Semi-finished product 6 Pistons STD 6 Piston Pins 12 Snap Rings 6 Rod Bushings Set Rings For 6 Pistons STD 1 Set of Main / Con Rod Bearings 1 Set of Thrust Bearings Or Equivalent. 1 Set Intake / Exhaust Valves 1 Set Intake / Exhaust Valves Seats 12 Valve Guides	set	2	Comp Air/ Atlas Copco/ ELGI/ Cummins/ Deutz/ CAT/ FleetGuard	
11	Bộ đại tu động cơ OM366 turbo Mercedes-Benz - Overhaul engine repair kit OM366 (turbo) Mercedes Bens	-	For AtlasCopco XAHS285, Engine Mercedes Benz OM 366 Or Equivalent. : 6 Pistons; 6 Liner; 6 Set of rings; 1 Con rod bearing set; 1 Main bearing set; 1 Overhaul gsket set; Con rod bearing and Main bearing std.	SET	1	Comp Air/ Atlas Copco/ ELGI/ Cummins/ Deutz/ Mercedes Benz/ CAT/ FleetGuard	
12	Van mở tải - Solenoid valve 24v onload	100007923	PN: 100007923. Pos 1.2. Page 27. Draw No: 005059/04/1.6.C115-12 For DLT 1302, Order No:10430. Or equivalent. Comp C115-12, Engine Deutz BF 4M 1013	PCE	1	Comp-Air	
13	Công tắc áp suất nhớt - Oil pressure switch 0.9BA	100000590	PN: 100000590; 0- 0,9 BAR, 1 NC, 1 transmitter, 3wire, 24VDC. Draw No: 100004190/03/14, page:14. For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	PCE	2	Comp-Air / GARDNER/ (Cummins)	
14	Cảm biến nhiệt độ (103oC) nước làm mát - Temperature switch 103oC	100000589 -	PN: 100000589; 0-103 °C , 1 NC , 2 wire , 24VDC. Draw No: 100004190/03/15, Page:14. For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	PCE	6	Comp-Air / GARDNER/ (Cummins)	
15	Rơ-le đề - Starter solenoid switch magnetic coil	5269379	P/N: 5269379. For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	PCE	4	Comp-Air (Cummins)	
16	Ổ khóa khởi động (có kèm chìa khóa) - Ignitron Start Switch with ignition key-Пусковой выключатель зажигания с ключом зажигания	A10018974 & A11481156 -	Draw No: 100004190/03/9 &9.1. Page:38 (24VDC, 3 Plug, can not double start, plug: 1 IG, 1B+, 1start). For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	PCE	4	Comp-Air	
17	Máy phát điện sạc acquy - Generator	3939028	24-28VDC , 35 Amp . Comp C160TS-12, Engine Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8107, Type: 6 Cylinder	PCE	1	Cummins	
18	Cuộn dây nam châm điện van đóng mở đường dầu - Solenoid coil for Fuel valve	3935432	24VDC, push and pull, 3 wire, 1 wire: push or pull; 1 wire: hold; 1 wire: mass. Pos 30. Page 17. C160TS-12, For Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8108	PCE	2	Cummins	
19	Các đèn hiển thị lỗi (có kèm cáp tín hiệu) - Faul Indicator Unit 24V with cables fault & B fault indicator Unit	100000287 & (100000434, 100000435)	24VDC, 8 lights; Draw No: 100004190/03/8. Page:38. For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	PCE	2	Comp-Air	
20	Cụm taplô điều khiển - Instrument Board Set	A13367574	Compressor C160TS-12 Instrument Board Set includes: Instrument board A13367574 (1 set), Temperature gauge cooling 100000595 (2 pce), Revol. Per-minute Read 100000596 (2 pce), Engine pressure gauge 100000597 (2 pce), Service hour meter A93563730 (2 pce), Pressure gauge0-25 bar A93561210 (2 pce) & Contents Indic. 24V A93563720 (2 pce). Draw No: 100004190/03 (05.2005), page:38. For Comp-Air C160TS-12, Type: DLT 1801, Order No: 1715120.	SET	1	Comp-Air	
21	Rơ le đề - Stater relay	0-25000-7832	Part Number: 0-25000-7832 (Nikko); OEM Reference: 1- 82553039-1 (Isuzu). Voltage 24VDC. Number of Terminals: 4 Pins. Contact Configuration: SPST (Single Pole Single Throw). Contact State: Normally Open (N.O.)	PCS	4	Nikko	
22	Cảm biến áp suất - Pressure Sensor	1089 9579 74	Range : 0-17 bar, volt : 0-5 VDC Drawing No.: 1611 7814 41/06/90, Page: 70. For Atlascopco XAHS237, Engine CATC6.6.	PCE	2	Atlascopco	
23	Cảm biến áp suất - Pressure Sensor	1089 9579 80	Range : 0-3 bar, volt : 0-5 VDC. Drawing No.: 1611 7814 41/06/95, Page: 70. For Atlascopco XAHS237, Engine CATC6.6.	PCE	2	Atlascopco	
24	Cảm biến nhiệt độ - Temperature Sensor	1089 0574 70	Drawing No.: 1611 7814 41/06/100, Page: 70. For Atlascopco XAHS237, Engine CATC6.6.	PCE	2	Atlascopco	
25	Van điện từ - 2/2-Way Proportional Valve	ZS1056053	2/2 way proportional valve, PN: ZS1056053, Pos 1, page 40. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672.	PCE	1	Comp-air	
26	Van điện từ - 2/2-Way Solenoid Valve	100008869	2/2 way solenoid valve, PN: 100008869, Pos 4, page 40. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672.	PCE	1	Comp-air	
27	Van điện từ - 2/2-Way Solenoid Valve	A11520074	2/2 way solenoid valve, PN: A11520074, Pos 25, page 46. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672.	PCE	1	Comp-air	
28	Van điện từ - 2/2-Way Solenoid Valve	100008870	2/2 way solenoid valve, PN: 100008870, Pos 9, page 10. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672.	PCE	1	Comp-air	
29	Rơ le - Relay 24 VDC	-	Relay 24VDC, 70A (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	PCE	6	Comp-air	

STT/ П/п No.	Tên VTTB/ Наименование МТП/ Description	Ký mã hiệu Тип, марка	Đặc tính kỹ thuật/ Технические характеристики/ Long description	DVT/ Ед.изм/ Unit	S.lượng/ Кол-во/ Q.ty	Tham khảo nhà sản xuất/ См. рекомендации производителя / Manufacturer	Ghi chú/ Note
30	Công tắc khởi động máy kèm theo 03 chìa khóa - Ignition start switch including with 03 keys	100011365	Ignition start switch including with 03 keys, PN 100011365 (with A11481156: 03 pc); Pos 13; Page 27. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp- air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	SET	1	Comp-air	
31	Nút dừng khẩn cấp - Emergency off switch	100002893	Emergency off switch, PN 100002893; Pos 14; Page 27. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	PCE	5	Comp-air	
32	Đồng hồ báo mức nhiên liệu - Contents Indic.24V	A93563720	Contents Indic.24V, PN A93563720; Pos 15; Page 27. Or equivalent. Spare part list Cummins QSB 6.7. (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	PCE	1	Comp-air	
33	Động cơ đề - Starter	3957596	OEM Cummins Wet 24V Starter, 3957596, 228000-5052. Including with Pulley. (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp-air C210TS- 12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	PCE	1	CUMMINS WET	
34	Máy phát điện sạc acquy - Alternator	5318629	CUMMINS 5318629 - ALTERNATOR - Original OEM part, 24V/45A. Including with Pulley. (For Engine Cummins Model: QSB 6.7; Engine No. 22397350, Family: 323. Comp- air C210TS-12, Type: DLT2701, order No. 4667672).	SET	1	CUMMINS- Original OEM part	
35	Động cơ đề - Starter	1163758 01180805	H82 1970 - B 24R12X 3,7KW EINZ. TEILE S.TAFEL 502 7011, Draw No: 0150-44 500 6546/4. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	1	Atlascopco/ Deutz	
36	Cụm máy phát điện - Set of Generator	1178521 ; 01131115 (Hexagon nut); 01103952 (spring washer) & 0117 7145 (voltage regulator).	H821170- E43RL 14V 55A EINZELTEILE SIEHE ETL - BLATT FOR SINGLE PARTS SEE PN-LIST SHEET, PIECES DETACHEES VOIR FEUILLE DE LIETE DE NO. DE PIECESCOMPONENTES VER HOJA DEL CATALOGO DE REPUESTOS 0150 - 44 0506 7020, Draw No: 0150-44 506 4405/1 (& 2, 3, 5). Including with Pulley. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	SET	1	Atlascopco/ Deutz	
37	Chuồn đầu - Solenoid coil for Fuel valve	0390 206 673	Type: AHP 12 V (Bosch). PN 0390 206 673. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	1	Atlascopco	
38	Tiết chế - Voltage regulator	1177145	H 822111- AH - 14V 95A, Draw No: 0150-44 506 4405/5. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	1	Atlascopco	
39	Nhiệt độ máy - Thermostat	1173469	H 004215 -B - 150 6V-24V 3W, Draw No: 0150-51 503 2367/1. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	1	Atlascopco	
40	Công tắc nhiệt độ - Temperature Switch	1089037601	Draw No: 26_171_1/80, Page: 18. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	2	Atlascopco	
41	Công tắc áp suất nhớt động cơ - Pressure switch	1089031106 1089057945	Draw No: 26_171_1/73, Page: 18. For Atlascopco XAHS 175; Engine Type: Deutz BF6L913.	PCE	2	Atlascopco	
42	Động cơ đề - Starter	-	24V 4KW 9TH CW Mercedes Benz OM366. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA.	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
43	Chuồn đầu - Below down Solenoid valve 24V	3935432	24VDC, push and pull, 3 wire, 1 wire: push or pull; 1 wire: hold; 1 wire: mass. Pos 30. Page 17. C160TS-12, For Cummins, Model B5.9-C, Family: 403, Engine No: 2187 9410, CPL:8108	PCE	1	Cummins	
44	Bộ phận phát điện - Generator	A009154150280	Alternator 28V 35Amp Daf, Man, Mercedes benz D0826F01, OM366. Including with Pulley. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA.	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
45	Công tắc nhiệt độ - Temperature switch	1089 0567 01	3 W, 6-24 V, 120 degree C. Draw No: 02_045_0/86 Page 8. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA. (Hoặc item 50, page 172, bản vẽ 1611 746160/07, Atlascopco 285).	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
46	Cảm biến mức - Level Sensor	1089 0568 01. Mã cấp 2019: 1089- 0568-12	Drawing No: 02_045_0/88 Page 8. For Atlascopco XAHS285, Engine CATC6.6.	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
47	Công tắc áp suất - Oil Pressure Switch	1089 0311 06. Mã cấp 2019: 1089- 0579-47	Drawing No: 06_063_0/79 Page 6. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA./ (Hoặc item 40, page 172, bản vẽ 1611 746160/07, Atlascopco 285).	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
48	Cảm biến áp suất - Oil Pressure Sensor	1089 0565 11	Drawing No: 06_063_0/81, Page: 6. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA./ (Hoặc item 45, page 172, bản vẽ 1611 746160/07, Atlascopco 285).	PCE	1	Atlascopco/ Mercedes- Benz Engine	
49	Bảng điều khiển - bộ điều khiển, máy đo tốc độ, đồng hồ đo giờ, đồng hồ đo áp suất, chỉ báo mức, chỉ báo áp suất dầu, chỉ báo nhiệt độ, nút nhấn - Instrument panel - control unit, tachometer, hourmeter, pressure gauge, level gauge, oil pressure gauge, temperature gauge, push button	1615 5702 00, 1089 0566 01, 1089 0566 01, 1089 0352 11, 1619 5269 00, 1619 5266 00, 1089 0565 01, 1619 5265 00, 2252 6973 00	Draw No: 28_087_0/ 11, 14, 15,16,17,18,19,29 Page 25. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA.	PCE	1	Atlascopco	
50	Công tắc nguồn - Power switch	-	Type: YMD11-63A; Position number: 2 position (ON-OFF); Rated current: 63A; Phase number: 3 Pole; Material: Plastic/Silver contact. For Atlascopco XAHS 285; Engine Type: Mercedes-Benz 6 cyl OM366LA.	PCE	1	Yaming Electric	